

Số: 04 /NQ-HĐT

Nghệ An, ngày 29 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2024
của Trường Đại học Vinh

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Vinh nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quy chế tài chính của Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông báo số 215-TB/TU ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường về định hướng kế hoạch công tác của Nhà trường năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Trường về định hướng kế hoạch công tác của Trường Đại học Vinh năm 2024;

Xét Tờ trình số 08/TTr-ĐHV ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2024; kết quả thẩm tra và kết quả biểu quyết của Hội đồng Trường,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2024 của Trường Đại học Vinh, gồm các nội dung sau:

I. CÁC CHỈ TIÊU CHUNG

1. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; các chủ trương, chính sách, các cuộc vận động, các phong trào thi đua của Nhà nước, địa phương, của Ngành Giáo dục và Đào tạo, Công đoàn các cấp.

2. Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023 - 2024 của ngành giáo dục với chủ đề “Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”.

3. Tập trung xây dựng “Đề án đầu tư phát triển Trường Đại học Vinh trở thành trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới” theo Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/ĐU ngày 07/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường về phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2030.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn 2045.

6. Ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ mới.

7. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, xây dựng các quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động của Nhà trường theo Kế hoạch thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

8. Xây dựng và ban hành Quy định về xếp loại đơn vị, viên chức, người lao động theo hướng khuyến khích nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị, viên chức, người lao động theo bộ chỉ số KPIs cụ thể.

9. Hoàn thiện và đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin tổng thể; các phần mềm phục vụ cho công tác quản lý, điều hành Nhà trường. Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý, điều hành và dạy học chuyển đổi số. Ban hành và triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số Trường Đại học Vinh.

10. Tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 65 năm thành lập Trường Đại học Vinh (1959 - 2024) nhằm giáo dục truyền thống, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Triển khai thực hiện tốt Luật Thi đua khen thưởng năm 2022.

II. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Kế hoạch tuyển sinh năm 2024

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1.	Đại học	9.793	
1.1	Đại học chính quy	4.493	
1.2	Hệ vừa làm vừa học	3.500	
1.3	Đào tạo từ xa	1.800	
2.	Sau đại học	1.126	
2.1	Thạc sĩ	1.074	
2.2	Nghiên cứu sinh	52	

3.	Đào tạo phổ thông		Hội đồng Trường sẽ thẩm định và ban hành nghị quyết riêng
3.1	Bậc mầm non		
3.2	Trường Tiểu học, THCS và THPT Thực hành sư phạm		
3.2.1	<i>Tiểu học</i>		
3.2.2	<i>Trung học cơ sở</i>		
3.2.3	<i>THPT Chất lượng cao</i>		
3.3	Trường THPT Chuyên		

2. Mở ngành đào tạo (làm căn cứ xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương mở ngành trình Hội đồng Trường phê duyệt)

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1.	Trình chủ trương mở mã ngành Đại học	3	
1.1	<i>Luật Hiến pháp và Luật hành chính</i>		Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn
1.2	<i>Luật Dân sự và Tố tụng dân sự</i>		
1.3	<i>Công nghệ tài chính</i>		Trường Kinh tế
2.	Trình chủ trương mở mã ngành Thạc sĩ	2	
2.1	<i>Luật kinh tế</i>		Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn
2.2	<i>Tài chính ngân hàng</i>		Trường Kinh tế
3.	Trình chủ trương mở mã ngành Tiến sĩ	1	
3.1	<i>Quản trị Kinh doanh</i>		Trường Kinh tế

3. Tuyển mới viên chức, người lao động

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1.	Tuyển mới		Hội đồng Trường sẽ thẩm định và ban hành nghị quyết riêng

4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

4.1. Các loại hình đào tạo, bồi dưỡng

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1.	Tiến sĩ	10-15	
2.	Thạc sĩ	3-8	
3.	Cao cấp lý luận chính trị	6-8	Theo chỉ tiêu được phân bổ
4.	Trung cấp lý luận chính trị	15-20	
5.	Quốc phòng - an ninh	80-100	
6.	Bồi dưỡng thường xuyên	400-500	

4.2. Đăng ký thăng hạng, học hàm

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1.	Giáo sư	2	

2.	Phó Giáo sư	10	
3.	Giảng viên cao cấp	10	
4.	Giảng viên chính	20-30	
5.	Chuyên viên chính, Kế toán viên chính và tương đương	15-20	
6.	Chuyên viên	3-5	
7.	Thay đổi chức danh nghề nghiệp giáo viên	10-15	

5. Đăng ký giải thưởng, công bố khoa học

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1.	Công bố quốc tế	217	
2.	Số lượng công bố trên tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế khác	99	
3.	Số lượng công bố trên các tạp chí khoa học trong nước	292	
4.	Số lượng công bố trên các kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước	163	
5.	Các loại hình công bố khác	40	

6 Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1.	Tự đánh giá		
1.1	Tự đánh giá CTĐT Đại học	9	
1.2	Tự đánh giá CTĐT Sau Đại học	7	
2.	Đánh giá ngoài		
2.1	Đánh giá ngoài CTĐT Đại học	6	
2.2	Đánh giá ngoài CTĐT Sau Đại học	10	

7. Kế hoạch bồi dưỡng và cấp chứng chỉ ngắn hạn

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
	Tổng cộng	16.000	
1.	Bồi dưỡng và cấp chứng chỉ ngắn hạn cho người học tại trường (Tin học, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên và học viên)	5.000	
2.	Đào tạo, bồi dưỡng chứng chỉ ngắn hạn cho các đối tượng khác tại trường	11.000	

8. Thu - chi tài chính

8.1. Nguồn thu

(ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	TỔNG THU	1.019.029.753	
I	THU SỰ NGHIỆP	497.581.770	
1.	Thu từ học phí đại học chính quy (Gồm học phí đại học chính quy, liên thông chính quy, văn bằng 2 + kinh phí cấp bù sư phạm)	210.687.048	
2.	Thu từ học phí đào tạo đại học vừa làm vừa học và đào tạo nâng chuẩn	125.574.267	
3.	Thu từ đào tạo từ xa	21.322.495	
4.	Thu từ đào tạo lưu học sinh	504.985	
5.	Thu từ đào tạo thạc sĩ	22.709.723	
6.	Thu từ đào tạo nghiên cứu sinh	1.389.150	
7.	Thu từ đào tạo các bậc học phổ thông		
8.	Thu từ bồi dưỡng ngắn hạn	46.836.284	
9.	Thu từ hoạt động chuyên giao công nghệ	600.000	
10.	Thu từ các khoản thu khác (Ký túc xá, điện nước, doanh thu tài chính, hoạt động dịch vụ,...)	67.957.818	
II	Kinh phí Ngân sách cấp	310.775.905	
1	Kinh phí Ngân sách giao chi tự chủ	40.000.000	
2	Kinh phí Ngân sách giao không tự chủ (Kinh phí chế độ chính sách của người học, Kinh phí xuất bản phẩm đặt hàng, Kinh phí thực hiện Đề án Ngoại ngữ quốc gia, đào tạo Lưu học sinh Lào Hiệp định,...)	270.775.905	
III	KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG	169.400.000	
III	CÁC KHOẢN THU HỘ	41.272.078	
1.	Thu từ các khoản thu hộ để chi hộ: (Đề tài ký kết với các tổ chức ngoài trường, kinh phí thu hộ Đảng - Công đoàn - Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên, kinh phí tổ chức thi IELTS, tiền ăn bậc phổ thông, thu hộ tiền mua BHYT cho người học)		

8.2. Nội dung chi

(ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ trọng	Ghi chú
	TỔNG CÁC NHIỆM VỤ CHI = A+B+C+D	1.055.254.488		
A	CHI PHÍ QUYẾT TOÁN TRONG NĂM	540.445.654		
1.	Chi cho con người	237.087.255		
2.	Chi cho chuyên môn, nghiệp vụ	261.235.984		
3.	Khấu hao	39.169.407		
4.	Chi khác	2.953.008		
B	CHI TỪ CÁC QUỸ TRÍCH LẬP	33.360.851		
1.	Chi học bổng khuyến khích học tập cho người học từ quỹ học bổng được trích lập	10.593.175		
2.	Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ từ quỹ trích lập cho đầu tư khoa học công nghệ	22.767.676		
3.	Chi công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa, mua sắm (sử dụng nguồn của Nhà trường từ quỹ đầu tư phát triển)			Hội đồng Trường sẽ thẩm định và ban hành nghị quyết phê duyệt khi Hiệu trưởng trình phương án thực hiện cụ thể
C	CHI TỪ CÁC NHIỆM VỤ GIAO KHÔNG TỰ CHỦ	270.775.905		
D	CHI TỪ CÁC KHOẢN THU HỘ	41.272.078		
	Chi từ các khoản thu hộ - chi hộ, gồm: (Đề tài ký kết với các Tổ chức ngoài trường, kinh phí Đảng - Công đoàn - Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên, kinh phí tổ chức thi IETLS, tiền ăn bậc phổ thông, Mua hộ BHYT cho người học,...)			

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ trọng	Ghi chú
E	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH	169.400.000		

8.3. Cân đối thu - chi năm 2024

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG CHI THƯỜNG XUYÊN (A = I + II)	537.581.770	
I	THU SỰ NGHIỆP	497.581.770	
1.	Thu từ học phí đại học chính quy (Gồm học phí đại học chính quy, liên thông chính quy, văn bằng 2 + kinh phí cấp bù sư phạm)	210.687.048	
2.	Thu từ học phí đại học vừa làm vừa học và đào tạo nâng chuẩn	125.574.267	
3.	Thu từ đào tạo từ xa	21.322.495	
4.	Thu từ đào tạo lưu học sinh	504.985	
5.	Thu từ đào tạo thạc sĩ	22.709.723	
6.	Thu từ đào tạo nghiên cứu sinh	1.389.150	
7.	Thu từ đào tạo các bậc học phổ thông		
8.	Thu từ bồi dưỡng ngắn hạn	46.836.284	
9.	Thu từ hoạt động chuyên giao công nghệ	600.000	
10.	Thu từ các khoản thu khác (Ký túc xá, điện nước, doanh thu tài chính, hoạt động dịch vụ,...)	67.957.818	
II	NGÂN SÁCH CẤP KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN GIAO TỰ CHỦ	40.000.000	
B	Chi phí quyết toán trong năm	540.445.654	
1.	Chi cho con người	237.087.255	
2.	Chi cho chuyên môn nghiệp vụ	261.235.984	
3.	Khấu hao tài sản cố định	39.169.407	
4.	Chi khác	2.953.008	
C	CHÊNH LỆCH THU - CHI (C=A-B)	-2.863.884	

III. XÂY DỰNG VÀ TRÌNH CÁC VĂN BẢN

1. Hoàn thành và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy trình quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Trình ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh; Quy chế dân chủ Trường Đại học Vinh.

3. Hoàn thành và ban hành Quy chế làm việc của Nhà trường, Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy - Hội đồng Trường - Hiệu trưởng, Quy định về công tác tổ chức các cuộc họp, lễ tân, khánh tiết.

4. Hoàn thành và ban hành Quy định về chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao của Trường Đại học Vinh theo Nghị quyết số 10-NQ/ĐU ngày 07/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường về phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2030.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN, CHỦ TRƯỞNG

1. Xây dựng Đề án đầu tư phát triển Trường Đại học Vinh trở thành trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới.

2. Hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh.

3. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của Trường Đại học Vinh; Hoàn thiện và ban hành Đề án vị trí việc làm.

4. Tiếp tục tái cấu trúc một số đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, ưu tiên sắp xếp lại các đơn vị quản lý đào tạo và phát triển các cơ sở dịch vụ tự chủ bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời cơ cấu lại các ngành đào tạo của Nhà trường để thực hiện mục tiêu chuyển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh.

5. Triển khai Đề án thành lập Trung tâm Khảo thí Trường Đại học Vinh; Đề án tổ chức lại Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh; Đề án tổ chức lại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh; Đề án tổ chức lại Trung tâm Nghiên cứu Hồ Chí Minh.

6. Tiếp tục thực hiện Đề án/Kế hoạch tổng thể triển khai Dự án trung hạn đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Cơ sở II Trường Đại học Vinh.

7. Điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà làm việc Đa năng Trường Đại học Vinh từ Cơ sở I chuyển xuống Cơ sở II; Điều chỉnh Quy hoạch Cơ sở II Trường Đại học Vinh để phù hợp với Dự án trung hạn đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Cơ sở II Trường Đại học Vinh.

8. Triển khai Dự án tăng cường năng lực giáo dục và nghiên cứu lĩnh vực chăn nuôi (trong khuôn khổ Dự án hỗ trợ bồi dưỡng đại học hàng đầu hợp tác quốc tế năm 2023 của Chính phủ Hàn Quốc).

9. Triển khai Dự án đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung khu vực Bắc, Trung, Nam; Dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.

10. Triển khai Chương trình Đào tạo kỹ thuật Toyota (T-TEP).

11. Triển khai Đề án tự chủ chi thường xuyên của Trường Mầm non Thực hành, Trường Tiểu học, THCS và THPT Thực hành sư phạm.

12. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh sau kiểm định chu kỳ 2.

Điều 2. Hội đồng Trường giao:

1. Hiệu trưởng Nhà trường tổ chức thực hiện Nghị quyết này phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường và đảm bảo các quy định hiện hành.

2. Thường trực, các Ban của Hội đồng Trường tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo với Hội đồng Trường theo quy định.

3. Thành viên Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng trường Trường Đại học Vinh nhiệm kỳ 2020 - 2025 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để t/h);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Lưu: VP Đảng - HĐT - Đoàn thể, HCTH.



TS. Nguyễn Ngọc Hiền